

14/08/2017

TỔNG QUAN

Index

VNX-All
1143.1

+9.41 (+0.83%)

VN-Index
776.17

+4.09 (+0.53%)

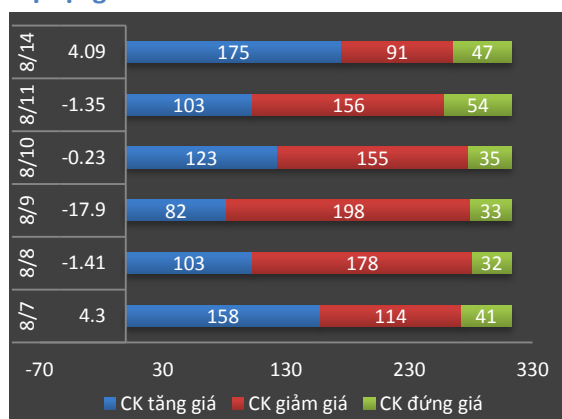
VN30-Index
751.39

+6.4 (+0.86%)

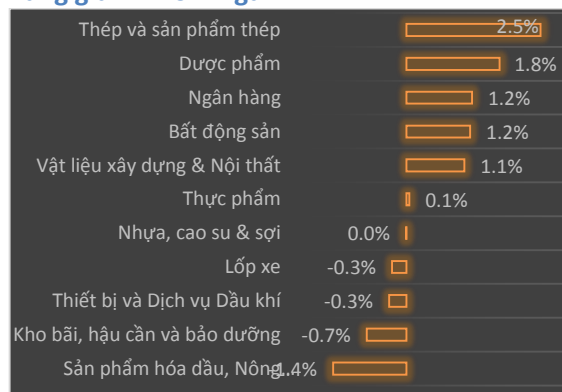
HNX-Index
101.5

+0.64 (+0.64%)

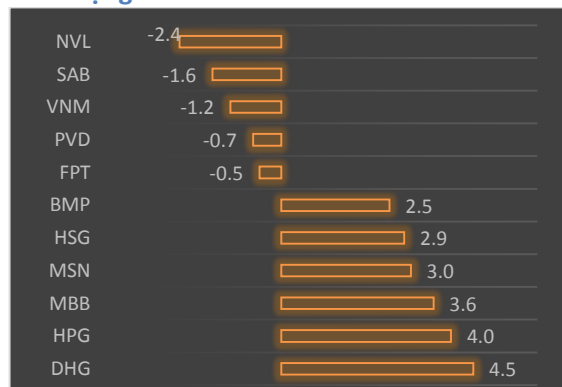
Độ rộng HOSE



Tăng giảm nhóm ngành



Biến động VN30



Sau một vài phiên thanh khoản sụt giảm thì hôm nay thị trường giao dịch sôi động hơn với khối lượng giao dịch tăng đáng kể. Độ rộng thị trường mở rộng với số mã tăng nhiều gấp đôi mã giảm nhờ dòng tiền tham gia vào mua bán mạnh. Nhóm penny phục hồi khá tốt với HAR, QCG, OGC, KSA đều xanh điểm là điểm tích cực giúp nhiều tài khoản nhà đầu tư giảm áp lực margin.

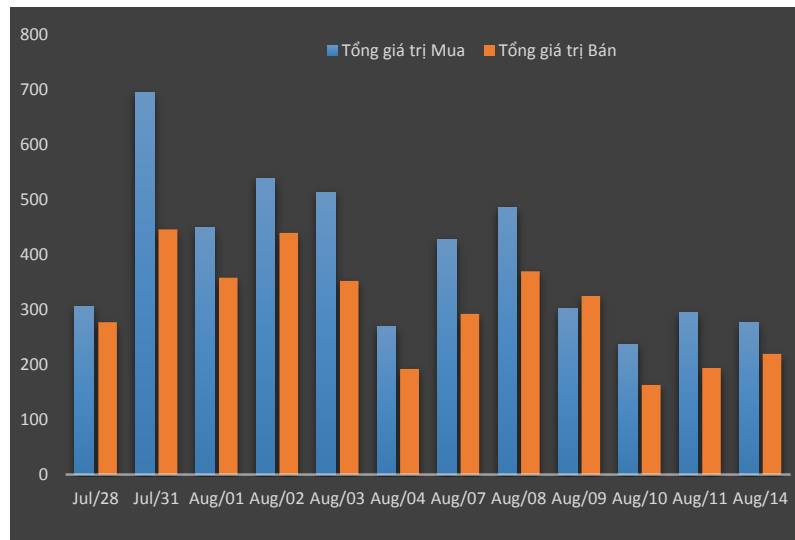
Nhóm cổ phiếu thép đang có sóng tăng trở lại sau khi giá thép tăng với HPG lần đầu chạm giá 34 và HSG cũng thoát khỏi vùng đáy lên 28.6. Khối ngoại mua mạnh HPG với khối lượng hơn 1.3 triệu cổ phiếu. Trong nhóm cổ phiếu thép chỉ có HPG được khối ngoại mua ròng đều đặn từ giữa tháng 7 đến nay hơn 15 triệu cổ phiếu. Ngoài thép nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng quay lại thu hút dòng tiền theo thông tin sắp niêm yết VPBank vào cuối tuần. Giá của MBB, SHB và BID tăng tốt nhất trong nhóm ngân hàng và chỉ có EIB giảm -2%.

Một số cổ phiếu đang trở lại vùng đỉnh cao sau thời gian tích lũy như PNJ, DIG, SHS, DCM, MWG. Các mã HBC, FLC, DQC, CII có tín hiệu đảo chiều sau giai đoạn điều chỉnh.

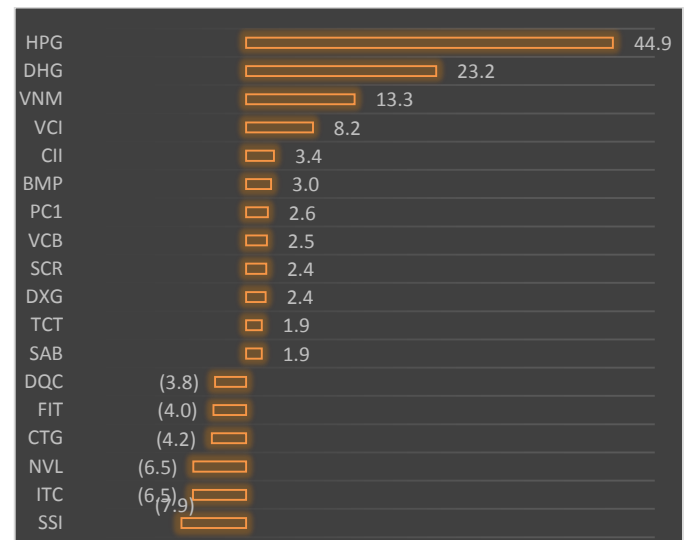
Phiên giao dịch hôm nay tạo sự hưng phấn và lạc quan cho thị trường với chỉ số index tăng hơn 4 điểm. Các trạng thái hồi phục mang tính kỹ thuật nhiều hơn do sự dồn nén của tuần trước. Tuần này thông tin niêm yết VPBank với giá niêm yết khá cao ngang với VCB có thể tạo một đợt sóng ngắn hạn ở nhóm cổ phiếu ngân hàng. Thị trường vẫn trong giai đoạn tích lũy vì vậy việc đẩy mạnh margin có thể tiềm ẩn rủi ro. Nhà đầu tư có thể tận dụng các phiên tăng để cơ cấu lại danh mục và tích lũy lại cổ phiếu mục tiêu ở những phiên điều chỉnh. Chúng tôi lưu ý một số cổ phiếu tăng trưởng và đang có tín hiệu hồi phục trong ngắn hạn như MWG, SHB, SHS, VCB, PLX, HPG, HSG, CTG.

Giao dịch khối ngoại

Tổng giá trị giao dịch hàng ngày



Top Giá trị CP mua bán ròng trong ngày (tỷ VND)



Khối ngoại mua vào 6.5 triệu cổ phiếu và bán ra 6.4 triệu, giá trị mua ròng khoảng 56 tỷ đồng cả hai sàn nhưng về khối lượng thì mua bán cân bằng. Nổi bật nhất hôm nay là giao dịch mua ròng 45 tỷ HPG và 23.2 tỷ DHG. Nhờ lực mua ròng mạnh của khối ngoại đã đẩy giá hai cổ phiếu này tăng mạnh. Một số cp mua ròng nhiều như VNM, VCI, CII và BMP. Phía bán ròng SSI nhiều nhất khoảng 8 tỷ đồng. ITC, NVL, CTG, FIT cũng bán ròng nhẹ.

Tin doanh nghiệp

VPBank đặt kế hoạch lãi ròng hợp nhất năm 2018 hơn 8.500 tỷ đồng, ROE vượt 25%

Lợi nhuận liên tục tăng mạnh trong những năm gần đây, VPBank tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận năm 2018 đạt 48,4%. Cổ tức dự kiến 15%.

Đây là kế hoạch tài chính năm 2018 được Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) công bố trong bản cáo bạch niêm yết lần đầu cung cấp cho nhà đầu tư trước thềm niêm yết trên HoSE vào 17/8.

Theo đó, VPBank đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2018 của riêng Ngân hàng mẹ tăng trưởng 68,4% lên 4.015 tỷ đồng, lãi ròng hợp nhất đạt 8.528 tỷ đồng, tăng trưởng 48,4%, cao hơn mức lợi nhuận tăng dự kiến trong năm nay (46,2%).

Cũng phải nói thêm rằng, VietinBank, quán quân lợi nhuận ngành ngân hàng trong năm 2016, đạt gần 6.860 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Nếu Vietinbank không giữ được "phong độ" tăng trưởng lợi nhuận 24,4% sau 2 năm, ông lớn Nhà nước này đối diện khả năng bị VPbank "vượt mặt" dù vốn điều lệ của VietinBank hiện vẫn đang gấp gần 3,5 lần VPBank.

Vốn chủ sở hữu của VPBank dự kiến tăng hơn 12.000 tỷ đồng trong năm 2017 từ mức 17.177 tỷ đồng lên 29.208 tỷ đồng sau khi VPBank chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 32,83% và hoàn tất đợt phát hành riêng lẻ. Bên cạnh đó, lợi nhuận năm 2017 đặt ra ở mức 5.750 tỷ đồng có thể kéo lợi nhuận chưa phân phối tăng một khoản tương ứng.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) của VPBank dự kiến vẫn quanh mức 25%, cao hơn mặt bằng chung ngành ngân hàng hiện nay. Mức cổ tức sau khi ngân hàng tăng vốn vẫn duy trì ở mức khoảng 15% là mức cao trên thị trường hiện nay.

Dư nợ cho vay khách hàng dự kiến tiếp tục tăng trưởng đạt hơn 26% trong năm 2017 và 2018. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ dư nợ cho vay theo kế hoạch sẽ tăng đều từ 2,7% năm 2016 lên mức 3,1% năm 2017 và 3,7% trong năm 2018.

Theo cáo bạch của ngân hàng, các phân khúc khách hàng chính mà VPBank hướng đến là Ngân hàng bán lẻ, Tín dụng tiêu dùng, Tín dụng tiểu thương, Ngân hàng DNVVN, Ngân hàng doanh nghiệp. Trong đó, hoạt động tín dụng tiêu dùng thông qua FE Credit vẫn đang được ví như con gà "để" trứng vàng cho VPBank với tỷ lệ lãi cận biên (NIM) ước tính lên tới 27,7%. Tín dụng tiểu thương là một phân khúc mới vừa được VPBank đưa vào hoạt động trong năm 2015, cũng đóng góp khá lớn vào tăng trưởng quý II/2017 của nhà băng này.

Sẽ "bơm" thêm gần 700 nghìn tỷ cho nền kinh tế?

2017 có thể sẽ là năm đánh dấu sự trở lại của tăng trưởng tín dụng tiếp cận các mức cao, sau giai đoạn từ 2011 - 2016.

Hệ thống ngân hàng Việt Nam đang đứng trước khả năng có điều chỉnh lớn về mức độ cho vay năm nay, theo "gợi ý" của Thủ tướng Chính phủ.

Cụ thể, tại cuộc họp Thường trực Chính phủ cuối tuần qua, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đặt vấn đề Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tính toán khả năng nâng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm lên 21-22%.

Trước đó, Thủ tướng Chính phủ cũng đã định hướng chỉ tiêu này năm nay cần đạt khoảng 20%, thay vì mức 18% mà Ngân hàng Nhà nước dự tính và cân đối từ đầu năm.

Việc đẩy mạnh và nâng cao mức tăng trưởng tín dụng được đặt trong tính toán các biện pháp mà Chính phủ tập trung thúc đẩy để quyết tâm thực hiện được mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm nay 6,7%.

Với gợi mở trên, 2017 có thể sẽ là năm đánh dấu sự trở lại của tăng trưởng tín dụng tiếp cận các mức cao, sau giai đoạn từ 2011 - 2016.

Cụ thể, kéo dài trong những năm 2001 cho đến 2010, tăng trưởng tín dụng tại Việt Nam liên tục ghi nhận tốc độ trên 20%, cá biệt riêng năm 2005 ở mức 19,20%; trong đó có những năm đột biến như 2004 tăng tới 41,5%, năm 2007 lên tới 53,89% và năm kích cầu 2009 tăng 37,53%.

Sau giai đoạn bùng nổ đó, từ năm 2011 tăng trưởng tín dụng đột ngột rơi xuống chỉ còn 10,9% và duy trì dưới 20% mỗi năm cho đến nay (cá biệt năm 2012 dưới mức 10%).

Trở lại với gợi ý trên của Thủ tướng Chính phủ, nếu năm nay tăng trưởng tín dụng đạt mức 22%, đồng nghĩa với lượng vốn “bơm” thêm, tăng thêm so với dự tính ban đầu khá lớn.

Tính theo quy mô tổng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế ở mức khoảng 5,5 triệu tỷ đồng vào cuối 2016, ứng với mức tăng trưởng 22% trong giả thiết trên, có thể có thêm khoảng 1,21 triệu tỷ đồng tăng thêm năm nay.

Theo số liệu của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia, 7 tháng đầu năm nay tín dụng đã tăng khoảng 9,3%, nếu theo định hướng tăng trưởng 22% nói trên, sẽ còn khoảng 698.500 tỷ đồng tăng thêm dồn trong 5 tháng cuối năm.

So với kế hoạch dự tính ban đầu của Ngân hàng Nhà nước với tăng trưởng tín dụng năm nay khoảng 18%, thì lượng vốn cho vay tăng thêm theo giả định nâng lên 22% nói trên là khoảng 220 nghìn tỷ đồng.

Source: Nhipcaudautu, cafeF, NDH, Vneconomy, dautuchungkhoan

Tình hình lợi nhuận 6T2017

	Số Cty	Lợi nhuận	Vốn hóa
Số công ty công bố	912		239,287.12
- Số DN báo lãi	725		
- Số DN báo lỗ	108		
Tổng lợi nhuận 6T2017 Tỷ VND		83,243.23	
Tổng lợi nhuận 6T2016 Tỷ VND		65,542.58	
% Tăng/(Giảm)		27.0%	

Thống kê lợi nhuận 6T2017 theo ngành

Ngành	Số DN	Lợi nhuận sau thuế (*)		+/- Tỷ VND	Tăng trưởng %
		6T2016 Tỷ VND	6T2017 Tỷ VND		
Thực phẩm và đồ uống L2	77	10,308.63	13,722.91	3,414.28	33.12%
Dịch vụ tài chính L2	33	786.83	2,174.06	1,387.24	176.31%
Bất động sản L2	76	4,441.93	6,258.71	1,816.78	40.90%
Y tế L2	23	787.17	956.46	169.29	21.51%
Hóa chất L2	45	2,406.84	3,018.73	611.89	25.42%
Tài nguyên Cơ bản L2	75	6,053.79	7,155.01	1,101.23	18.19%
Xây dựng và Vật liệu L2	202	4,719.09	7,461.37	2,742.28	58.11%
Bảo hiểm L2	9	1,390.48	1,828.97	438.49	31.53%
Ngân hàng L2	11	12,705.98	15,625.03	2,919.05	22.97%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp L2	145	5,647.57	6,680.53	1,032.96	18.29%
Hàng cá nhân & Gia dụng L2	37	1,655.53	1,821.82	166.29	10.04%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	60	5,009.38	7,131.78	2,122.39	42.37%
Công nghệ Thông tin L2	20	1,038.13	1,208.79	170.66	16.44%
Bán lẻ L2	16	1,072.48	1,330.24	257.76	24.03%
Ô tô và phụ tùng L2	12	832.83	540.78	(292.04)	-35.07%
Du lịch và Giải trí L2	32	3,344.05	3,283.46	(60.59)	-1.81%
Truyền thông L2	28	125.71	150.51	24.80	19.73%
Dầu khí L2	7	2,766.53	2,126.80	(639.73)	-23.12%
Viễn thông L2	4	449.63	767.27	317.64	70.64%
	912	65,092.94	82,475.96	17,383.02	26.70%

Tổng hợp kết quả kinh doanh Q2.2017

Mã CK	Close	EPS	PE	Doanh thu Q2.2017 (tỷ VND)	Lợi nhuận Q2.2017 (tỷ VND)	DT 6T.2017	Tăng trưởng (%)	LN 6T.2017	Tăng trưởng (%)
AAM	10,850	249	43.51	76.40	0.83	127.6	-4.9%	1.3	6.6%
AAV		1,144	0.00	59.63	8.81	84.0		12.7	
ABT	33,000	3,326	9.92	82.28	4.69	181.8	-16.4%	15.0	-38.6%
ACM	2,000	-101	-19.74	3.27	(1.35)	11.3	-90.0%	(1.3)	
AGF	10,150	589	17.23	612.42	0.41	1,105.1	-44.4%	3.8	3847.5%
AGM	9,450	554	17.06	606.55	2.29	1,213.3	32.9%	5.5	329.1%
CAG		619	0.00	18.99	1.21	36.2	-9.7%	2.4	-55.0%
AGR	4,450	450	9.89	41.18	33.86	95.7	60.3%	85.9	
AMC	27,000	4,296	6.29	37.00	3.02	72.7	-9.2%	6.0	-6.2%
AMD	11,400	651	17.52	165.04	5.95	456.7	-31.9%	13.2	-39.0%
ANV	14,000	595	23.51	668.10	27.63	1,366.1	1.9%	52.5	
APC	33,900	4,274	7.93	39.17	17.24	67.3	35.7%	27.9	45.7%
APG	5,490	342	16.06	8.80	4.72	10.1	173.8%	4.5	6540.6%
APP	11,000	1,112	9.89	21.87	0.75	42.3	-16.4%	1.8	-49.3%
HII	28,700	1,344	21.35	248.33	13.33	389.1		24.2	
ARM	30,800	2,867	10.74	56.20	2.02	115.0	59.2%	4.1	0.3%
BBC	107,500	5,188	20.72	209.60	7.54	443.3	5.0%	25.4	-0.1%
BDB	9,000	1,061	8.48	25.82	0.45	28.4	13.8%	0.4	27.7%
BED	39,500	2,180	18.12	25.96	1.90	34.5	1.9%	2.7	16.7%
BMC	18,000	843	21.35	96.72	3.30	162.7	232.0%	5.7	19.2%
BPC	16,500	3,541	4.66	85.47	2.71	171.0	3.3%	6.3	-33.3%
BRC	10,600	1,604	6.61	55.68	3.11	111.5	21.2%	7.6	-28.5%
BSI	14,100	2,040	6.91	176.90	97.36	285.6	46.8%	120.0	173.5%
BST	13,300	1,259	10.56	14.21	0.33	17.8	-10.0%	0.4	-22.9%
BXH	12,100	2,325	5.20	51.43	1.09	101.3	4.7%	3.5	-29.0%
C32	37,800	6,659	5.68	149.40	26.06	247.8	6.0%	41.6	-15.6%
C92	7,100	948	7.49	63.15	0.58	69.9	-58.6%	0.6	-60.4%
CAP	30,800	4,295	7.17	72.69	1.07	140.8	-13.3%	7.5	5.2%
CCI	15,400	1,573	9.79	82.05	8.25	163.8	16.6%	13.9	9.3%
CCL	5,140	145	35.40	18.29	1.48	32.2	4.5%	2.3	34.2%
CDO	3,650	243	14.99	9.17	0.39	19.8	-81.9%	1.4	-94.0%
CEE	24,700	1,323	18.68	333.91	26.98	450.1		56.1	
STK	20,300	884	22.95	470.15	23.54	917.7	38.3%	48.6	52.0%
CKV	18,400	947	19.43	30.28	0.77	59.7	-25.8%	1.2	50.3%
CMC	9,400	367	25.60	2.36	1.25	5.5	-52.3%	2.2	125.4%
CMX	3,900	-3,296	-1.18	266.40	7.05	411.2	-6.2%	13.3	114.7%
CNG	31,850	3,721	8.56	341.32	24.71	632.4	44.2%	47.1	-20.0%
COM	65,000	7,993	8.13	937.94	23.22	1,869.7	11.6%	43.2	7.9%
CSM	16,450	1,778	9.25	946.26	17.99	1,694.6	13.6%	46.9	-62.1%
CTD	195,000	21,271	9.17	6,183.12	412.40	#####	29.5%	713.0	19.7%
CTS	12,200	1,357	8.99	75.28	37.97	134.9	37.1%	68.8	134.8%
CVT	43,400	6,143	7.06	302.55	48.03	491.7	13.8%	76.6	29.9%

Mã CK	Close	EPS	PE	Doanh thu Q2.2017 (tỷ VND)	Lợi nhuận Q2.2017 (tỷ VND)	DT 6T.2017	Tăng trưởng (%)	LN 6T.2017	Tăng trưởng (%)
CX8	9,800	667	14.68	20.53	0.02	52.1	12.2%	0.3	40.9%
D11	15,000	227	66.08	12.45	0.42	55.0	-23.7%	0.6	129.5%
D2D	37,000	5,717	6.47	56.49	8.04	77.7	-51.9%	35.8	10.9%
DAD	20,000	2,897	6.90	74.04	12.46	89.9	-0.2%	12.9	2.1%
DAE	18,500	3,159	5.86	26.01	2.49	33.5	-11.4%	2.9	-0.1%
DAH	6,500	1,112	5.85	49.45	14.81	110.1		19.7	
DBC	28,200	2,071	13.62	1,073.14	(33.15)	2,548.8	-10.8%	(19.7)	
DC2	8,000	721	11.10	9.32	0.06	30.5	-67.9%	0.1	-92.6%
DGC	32,500	4,153	7.83	963.87	64.64	1,786.1	50.3%	99.7	-22.4%
DGW	15,800	1,622	9.74	790.52	20.41	1,552.0	-11.3%	29.0	-9.9%
DHA	32,350	3,873	8.35	65.51	18.28	121.8	33.8%	31.7	40.2%
DHG	114,000	5,600	20.36	925.66	185.77	1,808.0	6.9%	358.9	17.3%
DHM	5,450	388	14.05	132.29	1.21	461.1	45.6%	3.7	-44.7%
DHP	9,900	1,366	7.25	105.74	5.12	172.9	-5.4%	8.2	-1.3%
DID	4,600	597	7.70	73.15	0.40	126.2	29.2%	1.0	24.9%
DIH	10,600	1,089	9.73	69.78	0.29	91.7	-11.3%	0.5	-20.8%
DLR	12,500	-1,257	-9.94	12.97	(2.47)	27.4	4.3%	(3.4)	
DNC	39,300	3,170	12.40	55.93	2.56	98.8	12.6%	4.0	13.7%
DPC	19,000	1,166	16.29	20.36	1.15	32.5	-9.3%	1.1	-21.9%
DPS	2,900	278	10.42	333.58	2.40	543.4	6.3%	4.3	-61.2%
DRC	26,800	2,540	10.55	863.58	34.68	1,763.8	8.0%	105.3	-47.0%
DSN	54,000	6,391	8.45	67.58	34.43	117.6	4.8%	54.2	3.5%
DTA	8,000	13	610.98	3.81	0.48	5.5	-59.7%	0.5	431.9%
DTT	11,500	745	15.43	31.86	1.53	59.9	-8.6%	2.4	-38.2%
DXG	16,650	2,924	5.69	293.03	51.31	879.3	-19.1%	202.9	36.2%
DXP	13,800	1,139	12.12	22.25	8.45	37.1	-45.8%	11.8	-53.7%
DXV	4,500	502	8.96	82.64	3.17	153.8	-35.8%	4.0	-9.8%
EBS	9,400	1,271	7.40	73.69	6.51	83.9	28.0%	4.1	32.2%
ECI	13,000	1,565	8.31	24.29	1.48	31.9	-0.2%	1.8	-2.2%
EMC	15,100	174	86.74	83.16	1.32	146.3	25.0%	1.4	85.6%
EVG	12,650	429	29.51	131.13	8.46	297.4		19.0	
FMC	16,850	3,298	5.11	856.39	19.94	1,388.3	17.5%	34.5	-5.5%
FTM	12,750	754	16.92	346.06	7.53	586.8		20.0	
FTS	11,700	1,447	8.08	75.97	40.99	140.1	1.8%	76.8	-3.5%
GDT	58,000	8,157	7.11	103.15	24.50	166.0	10.1%	56.6	73.3%
GTA	17,000	1,578	10.77	164.61	5.13	304.5	25.8%	9.2	40.5%
HAD	37,900	4,108	9.23	59.01	5.14	74.2	-5.1%	6.3	-9.7%
HAP	4,550	169	26.99	93.60	4.71	190.5	-12.3%	6.7	-48.4%
HAS	9,200	1,091	8.43	44.97	1.50	99.5	-47.3%	3.1	-66.1%
HAX	35,900	2,996	11.98	1,034.68	(7.20)	1,814.1	39.7%	20.8	-37.8%
HBE	6,900	908	7.60	7.58	0.48	11.8	-5.0%	0.8	52.7%
HCC	28,100	3,719	7.56	101.91	8.99	185.7	13.0%	15.8	27.5%
HEV	12,000	1,753	6.85	6.42	0.56	10.6	5.0%	1.0	-6.5%
HGM	44,000	2,940	14.96	25.56	12.46	50.4	36.3%	20.0	723.9%

Mã CK	Close	EPS	PE	Doanh thu Q2.2017 (tỷ VND)	Lợi nhuận Q2.2017 (tỷ VND)	DT 6T.2017	Tăng trưởng (%)	LN 6T.2017	Tăng trưởng (%)
HHC	56,500	2,302	24.54	160.01	2.39	381.0	7.6%	11.5	29.7%
HJS	20,000	1,526	13.11	58.89	17.81	94.4	15.5%	24.6	29.8%
HLG	10,000	3,042	3.29	893.28	37.00	1,609.2	6.8%	58.2	-19.5%
HLY	17,500	1,822	9.60	14.29	0.22	30.0	6.8%	0.8	-63.3%
HMC	11,000	3,356	3.28	535.03	12.03	1,174.9	-10.3%	29.0	5.2%
HRC	34,050	254	134.29	17.32	1.26	34.9	134.3%	3.0	-35.8%
HST	5,800	565	10.27	27.76	0.54	29.4	10.4%	0.6	8.4%
HT1	19,800	1,747	11.33	2,151.91	115.97	4,048.6	3.1%	224.6	-39.5%
HTI	19,700	3,080	6.40	89.46	16.22	171.9	-25.5%	46.4	41.6%
HTP	17,000	687	24.74	3.79	0.47	7.5	-5.3%	1.0	14.6%
HVX	4,400	322	13.68	188.96	3.56	433.3	-3.6%	5.0	-33.7%
IDJ	2,500	-67	-37.38	146.97	3.83	152.4	2580.3%	2.7	
IMP	70,200	3,318	21.16	275.82	33.89	500.1	16.6%	59.8	47.2%
INC	11,100	1,067	10.41	6.02	0.65	12.1	7.2%	0.9	49.1%
ITQ	3,200	47	67.97	109.53	1.01	201.1	16.0%	1.7	-58.2%
IVS	10,200	13	806.38	6.54	0.04	13.5	12.6%	0.3	-37.2%
KDC	46,000	6,682	6.88	1,646.72	351.09	2,896.8	195.2%	370.0	162.8%
KHP	10,000	300	33.38	1,005.89	9.04	1,747.5	8.6%	(26.9)	
KMR	4,850	147	33.05	137.99	4.80	204.4	-9.3%	5.9	-51.6%
KSB	54,500	5,552	9.82	276.91	82.86	517.5	27.9%	143.9	60.1%
KSD	3,300	367	9.00	22.25	0.08	38.2	-9.1%	1.7	-30.5%
KSH	2,710	-12	-218.85	3.82	(0.33)	7.4	-69.8%	(0.4)	
KSK	1,300	59	21.98	81.14	0.76	81.8	-35.7%	0.9	80.9%
KVC	3,100	386	8.03	122.52	3.09	259.7	25.7%	7.5	35.4%
L10	14,400	2,912	4.95	297.90	7.26	737.9	4.2%	14.7	-22.9%
L14	61,000	5,913	10.32	68.58	15.12	141.7	70.8%	26.4	193.3%
L35	4,900	540	9.07	42.16	0.25	84.3	-21.4%	0.5	-67.9%
L44	2,100	-228	-9.20	17.47	(6.29)	34.9	-58.0%	(6.3)	
L61	8,400	1,357	6.19	162.94	2.41	337.2	-20.3%	5.1	74.9%
L62	7,500	655	11.45	98.65	0.60	153.8	13.7%	1.0	-52.3%
LBE	20,500	1,945	10.54	25.69	0.67	30.6	-3.9%	0.9	8.6%
LCD	6,600	2,227	2.96	14.77	0.71	65.4	12.4%	1.8	7.7%
LDG	13,700	1,965	6.97	197.61	80.91	334.6	36.3%	136.0	58.0%
LDP	35,000	2,487	14.08	130.31	4.39	258.6	4.2%	9.0	-3.8%
LHG	19,100	5,753	3.32	68.16	11.63	115.1	7.3%	26.8	-30.9%
LIX	47,200	4,378	10.78	533.10	40.15	1,009.6	8.5%	68.3	-18.5%
LM7	2,900	118	24.54	20.20	0.11	42.7	-2.5%	0.1	-5.1%
LUT	2,500	-32	-79.22	21.90	(2.32)	45.4	-72.6%	(2.2)	
MSC	20,700	1,984	10.43	298.10	3.59	754.3		14.1	
MCF	14,900	1,691	8.81	102.54	4.03	189.8	-5.4%	6.5	12.2%
MCP	25,900	1,661	15.59	89.96	3.29	171.0	-4.4%	11.5	252.0%
MHL	6,100	1,864	3.27	108.70	0.56	194.8	-8.7%	1.6	-51.0%
NAV	8,000	-1,075	-7.44	35.25	0.54	64.1	12.6%	(1.6)	
NBC	6,000	1,006	5.96	475.74	9.74	775.6	19.8%	15.7	-7.7%

Mã CK	Close	EPS	PE	Doanh thu Q2.2017 (tỷ VND)	Lợi nhuận Q2.2017 (tỷ VND)	DT 6T.2017	Tăng trưởng (%)	LN 6T.2017	Tăng trưởng (%)
NCT	81,500	9,564	8.52	162.94	56.39	332.0	-4.9%	122.6	-13.9%
NFC	17,000	1,285	13.23	194.15	7.86	368.4	6.1%	14.7	6.2%
NGC	10,000	1,384	7.23	56.36	0.53	104.2	-3.1%	0.6	-45.8%
NHA	13,700	1,267	10.82	30.70	8.42	48.3	-40.4%	12.3	47.9%
NHC	32,500	3,602	9.02	30.50	3.79	51.8	-6.4%	5.8	-10.1%
NLG	28,150	1,831	15.38	1,005.78	288.88	1,261.6	18.2%	310.0	143.3%
NNC	58,300	8,463	6.89	157.36	54.34	284.9	7.2%	95.1	4.8%
PMB	12,000	1,346	8.91	353.40	4.16	820.8	7.5%	11.5	-28.1%
NT2	27,500	2,960	9.29	1,780.65	189.95	3,550.0	20.3%	456.3	-34.4%
ONE	5,500	953	5.77	144.75	3.06	188.8	-18.2%	3.7	-15.5%
OPC	55,500	3,309	16.77	208.31	20.08	489.8	29.0%	43.8	14.8%
PAC	51,200	3,191	16.05	680.27	56.20	1,372.0	20.8%	77.0	53.9%
PBP	15,400	2,858	5.39	57.72	3.44	97.7	33.4%	7.4	49.5%
PDN	86,000	6,226	13.81	128.65	23.41	241.6	29.6%	41.7	35.3%
PDR	26,700	1,399	19.08	383.85	81.33	588.6	164.3%	126.1	118.9%
PGD	53,000	1,154	45.93	1,687.82	49.12	3,167.0	56.2%	79.8	-59.2%
PGS	18,000	2,076	8.67	1,336.55	29.43	2,987.0	21.8%	54.2	-73.9%
PIC	16,600	1,486	11.17	17.64	10.99	44.3	98.3%	29.0	158.0%
PIT	6,510	577	11.28	540.92	(16.71)	1,130.4	-27.1%	(14.2)	
PIV	26,600	915	29.08	107.41	3.99	275.2	365.9%	4.1	179.0%
PMP	16,500	2,623	6.29	108.29	2.79	200.8	63.7%	5.4	14.8%
PNJ	96,900	5,851	16.56	2,344.92	128.95	5,475.9	39.0%	377.7	54.5%
PPC	20,600	4,671	4.41	1,682.19	451.33	3,157.9	-2.0%	593.5	
PRC	18,900	3,057	6.18	32.07	0.36	65.9	-3.2%	2.1	51.3%
PSC	13,100	1,999	6.55	104.24	3.77	211.1	9.3%	7.4	8.8%
PTS	6,500	1,053	6.17	54.15	0.94	112.7	4.3%	2.3	55.8%
DAT	35,900	737	48.74	404.06	6.10	616.4	87.2%	11.5	24.5%
PCE	10,000	2,052	4.87	687.00	1.39	1,166.0	-5.5%	8.0	-36.8%
PCN	2,700	-2,053	-1.32	8.90	(2.49)	18.8	-85.6%	(5.1)	
PVL	3,400	132	25.75	0.07	(2.00)	0.1	0.0%	(4.1)	
PXI	2,800	-762	-3.68	149.24	(7.28)	219.6	-17.7%	(18.3)	
PXS	9,710	798	12.17	398.10	13.52	741.7	-29.7%	33.7	-54.2%
PXT	4,010	659	6.08	37.64	1.44	108.1	-64.0%	5.2	-77.4%
RAL	137,700	14,646	9.40	529.64	34.55	1,408.4	1.1%	82.6	22.7%
RCL	21,100	1,503	14.03	7.86	1.03	42.8	129.9%	4.5	-30.0%
RDP	23,000	1,640	14.03	383.47	16.85	603.9	3.5%	22.0	-32.0%
RIC	8,300	-412	-20.13	75.83	(9.88)	140.8	11.5%	(31.8)	
SAF	55,000	3,867	14.22	239.60	7.71	476.4	5.8%	16.1	4.9%
SAV	12,500	338	37.00	127.04	6.99	254.6	-9.9%	9.7	4263.5%
SC5	30,200	2,687	11.24	254.80	10.02	455.8	-45.7%	19.5	-7.8%
SCD	43,000	2,437	17.64	79.19	0.69	177.6	-4.1%	3.8	-72.2%
SD4	11,100	2,743	4.05	296.98	9.41	479.9	13.4%	15.2	19.3%
SDC	14,300	1,388	10.30	18.69	0.92	32.5	7.4%	1.5	-6.5%
SDG	30,000	3,059	9.81	64.86	10.20	126.2	-28.0%	19.6	36.0%

Mã CK	Close	EPS	PE	Doanh thu Q2.2017 (tỷ VND)	Lợi nhuận Q2.2017 (tỷ VND)	DT 6T.2017	Tăng trưởng (%)	LN 6T.2017	Tăng trưởng (%)
SDU	26,000	198	131.09	9.71	1.01	16.8	-96.5%	1.7	-41.5%
SFC	27,500	3,451	7.97	312.80	7.95	662.5	25.2%	20.1	-17.6%
SFN	31,300	3,779	8.28	39.40	2.58	77.0	9.4%	5.8	-2.8%
SGC	60,100	4,556	13.19	68.33	7.45	143.8	12.9%	16.0	29.4%
SGH	31,500	1,158	27.20	10.82	3.46	20.2	9.7%	6.0	107.2%
SHS	14,400	1,628	8.85	283.62	105.28	437.4	99.6%	150.4	293.5%
SBV	43,000	5,545	7.75	135.07	28.07	213.9		39.8	
SJ1	22,900	2,513	9.11	209.67	6.43	394.0	42.7%	14.3	71.2%
SJD	23,400	2,512	9.32	147.87	64.11	213.8	56.4%	88.9	47.9%
SMA	9,400	471	19.97	98.21	0.23	163.7	-20.3%	0.1	
SMC	20,800	10,829	1.92	2,983.20	45.09	5,804.7	32.8%	151.4	-33.2%
SMN	10,000	1,849	5.41	232.07	4.62	245.1	-5.0%	4.1	0.5%
SPP	26,200	1,628	16.10	257.51	3.57	498.3	29.5%	5.6	11.5%
SRA	10,500	3,558	2.95	4.21	0.49	6.9		0.9	
SRC	14,900	2,263	6.58	237.57	11.92	448.7	2.0%	24.5	-35.5%
S4A	21,400	2,891	7.40	74.11	35.64	120.9	104.4%	50.3	
SSM	16,500	2,035	8.11	57.78	1.14	82.0	88.1%	1.7	-42.3%
STC	40,000	2,357	16.97	137.59	5.46	171.6	10.6%	6.9	17.3%
SVI	40,000	5,909	6.77	375.86	18.26	718.3	11.0%	34.6	6.5%
SVT	10,100	377	26.80	8.67	2.36	14.2	27.2%	3.1	6937.4%
SZL	37,300	5,191	7.19	72.89	21.71	142.1	-1.3%	41.3	-17.0%
TAC	50,200	2,470	20.32	998.34	18.75	1,973.3	4.7%	50.5	33.8%
TAG	31,000	499	62.10	1,049.42	2.60	2,183.9	-2.5%	9.5	-49.1%
TC6	4,500	0	12,280.81	585.76	2.20	1,349.5	-18.0%	5.8	33.3%
TCM	27,600	2,708	10.19	771.72	70.49	1,547.4	2.0%	118.2	137.3%
TCO	11,000	1,124	9.79	41.13	4.90	80.3	5.9%	8.9	-45.6%
TCT	49,200	5,500	8.95	20.47	5.01	120.4	10.1%	66.0	0.3%
TDG	10,600	1,406	7.54	67.21	3.53	112.5		7.2	
TDW	23,900	2,415	9.90	176.82	7.63	338.1	10.0%	9.7	156.0%
TET	30,000	2,331	12.87	9.27	9.09	18.4	-10.6%	13.0	255.8%
THB	20,000	993	20.13	201.87	11.90	267.7	5.8%	5.0	-3.7%
THT	6,400	851	7.52	619.27	4.76	1,117.1	2.2%	6.9	-2.2%
TIC	14,000	1,704	8.22	6.65	8.20	12.4	94.0%	10.8	437.1%
TTH	8,700	4,053	2.15	40.74	9.72	99.3	67.0%	10.6	-45.6%
TIX	35,800	4,662	7.68	44.91	18.62	388.6	491.7%	78.6	200.9%
TJC	8,500	893	9.52	50.88	1.11	95.8	11.9%	1.1	-85.5%
TMC	13,700	1,883	7.28	564.04	5.85	1,061.9	14.8%	10.1	15.9%
TMX	11,100	1,556	7.13	386.07	1.68	683.2	28.0%	3.9	-37.8%
BAX	20,000	2,767	7.23	16.56	5.05	31.2		10.6	
TNI	9,750	575	16.96	339.91	8.63	520.9	36.4%	10.7	340.5%
TPH	8,000	729	10.98	6.40	0.78	10.9	0.4%		
TS4	7,990	571	13.98	216.13	0.18	451.5	14.1%	4.6	22.7%
TSB	12,500	726	17.21	48.86	1.06	88.1	-14.5%	2.0	-33.3%
TTC	21,000	3,339	6.29	79.66	5.03	160.2	-13.1%	9.7	-25.7%

Mã CK	Close	EPS	PE	Doanh thu Q2.2017 (tỷ VND)	Lợi nhuận Q2.2017 (tỷ VND)	DT 6T.2017	Tăng trưởng (%)	LN 6T.2017	Tăng trưởng (%)
TV4	15,700	1,992	7.88	64.69	4.98	99.6	42.3%	7.5	57.2%
TVS	10,400	1,906	5.46	86.05	47.28	189.7	153.6%	99.9	237.9%
TYA	10,800	1,315	8.21	348.13	16.42	681.3	9.1%	28.9	-21.8%
V12	10,100	1,297	7.79	124.27	2.25	204.0	1.5%	3.4	-11.7%
V21	8,500	1,702	4.99	36.68	14.40	52.6	-16.6%	14.7	
VC3	19,100	3,063	6.24	202.56	12.18	379.8	79.5%	32.2	60.1%
VC7	23,600	2,353	10.03	56.35	3.18	114.0	-23.5%	13.3	227.4%
VC9	10,700	1,292	8.28	275.34	1.61	513.9	20.5%	3.9	-15.0%
VCS	152,600	10,595	14.40	1,078.32	398.83	2,209.3	52.0%	575.2	93.3%
VDS		1,206	0.00	100.60	32.86	161.0	81.4%	57.1	160.3%
VE3	11,500	1,601	7.18	11.61	0.15	15.6	12.7%	0.4	-58.5%
VE4	12,600	2,663	4.73	10.90	0.21	24.1	136.0%	0.7	-28.9%
VE8	14,000	1,670	8.39	31.46	0.95	55.4	128.7%	1.1	53.2%
VFG	54,000	5,390	10.02	578.07	35.98	1,050.8	-4.6%	61.7	-17.7%
VGP	21,200	1,910	11.10	657.43	7.86	666.6	3151.5%	9.0	161.0%
VGS	9,900	1,913	5.17	1,569.48	11.83	2,961.9	34.5%	25.2	-49.1%
VHC	52,500	5,046	10.40	2,353.29	139.28	3,970.1	7.8%	236.5	-27.4%
VHL	45,000	7,379	6.10	529.84	37.89	1,009.6	15.7%	68.0	18.5%
VIG	1,900	-749	-2.54	5.76	0.54	7.4	85.1%	1.6	
VIT	28,900	4,113	7.03	238.95	16.26	417.8	7.4%	23.1	23.2%
VKC	8,200	1,458	5.62	259.96	6.13	520.8	-9.7%	9.9	-58.5%
VLA	12,900	1,587	8.13	2.34	0.54	3.7	-4.5%	0.9	11.6%
VPH	11,400	1,187	9.61	546.59	0.97	567.5	293.1%	7.6	-59.5%
VPK	7,900	-494	-16.00	44.91	(8.30)	82.2	-16.0%	(15.4)	
VTB	18,950	1,740	10.89	148.35	1.00	379.2	80.2%	5.0	148.7%
VTJ	8,100	1,304	6.21	4.23	0.12	382.8		8.1	
VTO	7,430	1,024	7.26	290.26	24.03	628.2	4.9%	45.2	-11.2%
CLH	14,000	2,235	6.26	154.36	6.14	283.4	-9.0%	11.8	-33.5%
WCS	171,500	23,616	7.26	32.28	15.87	63.4	6.8%	31.8	11.3%

Tin giao dịch nội bộ, cổ tức

Giao dịch cổ đông nội bộ

- 11/08/2017 HCM: CTCP Cộng Hưởng chưa bán 200.000 cp
- 11/08/2017 HCM: Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc - TV.HĐQT chưa bán 150.000 cp
- 11/08/2017 VPBank sẽ bán 5% cổ phần cho IFC
- 11/08/2017 BHS: CTCP Global Mind Việt Nam đã mua 934.170 cp
- 11/08/2017 VE9 tăng chỉ tiêu lãi gần 10 lần và thêm cổ tức 65%, lãnh đạo vẫn muốn thoái sạch vốn
- 11/08/2017 HAR vừa giảm sàn 2 phiên, Chủ tịch Nguyễn Gia Bảo đã đăng ký mua thêm 5 triệu cổ phiếu
- 10/08/2017 TDH: KWE BETEILIGUNGEN AG đã mua 110.000 cp
- 10/08/2017 NVL: Em ông Phan Thành Huy - TGD đăng ký bán 20.000 cp
- 10/08/2017 PPI: Ông Phạm Đức Tấn - CT.HĐQT đăng ký bán 500.000 cp
- 10/08/2017 SBT: Bà Đặng Huỳnh Ước My - TV.HĐQT đăng ký mua 14.000.000 cp

Trả cổ tức

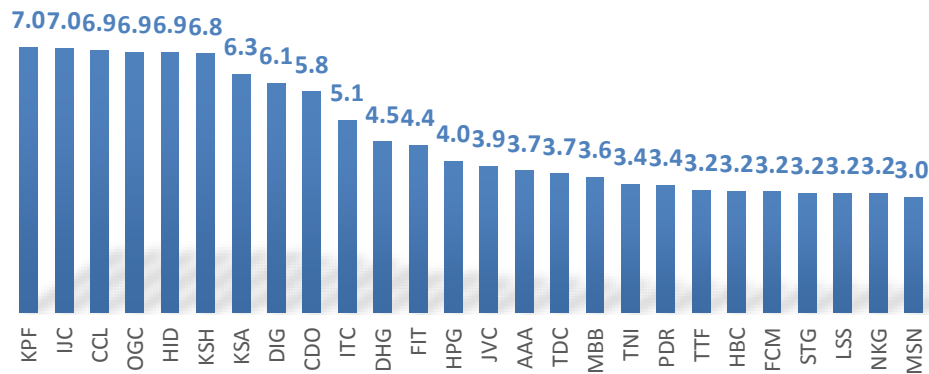
- 11/08/2017 Bống đèn Rạng Đông (RAL) chuẩn bị trả cổ tức tiền mặt 25%
- 10/08/2017 Cường Thuận Idico (CTI): Hoàn thành 53% kế hoạch lợi nhuận cả năm, sắp chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 13%
- 10/08/2017 KLB: Ngân hàng TMCP Kiên Long chưa bán cp quỹ
- 10/08/2017 PNT: 22.8.2017, ngày GDKHQ trả cổ tức bằng tiền mặt (700 đ/cp)
- 10/08/2017 KSB chốt quyền nhận cổ tức bằng tiền và lấy ý kiến về việc DRH nâng tỷ lệ sở hữu mà không cần chào mua công khai
- 10/08/2017 DRL: 22.8.2017, ngày GDKHQ trả cổ tức đợt 1/2017 (2.000 đ/cp)
- 10/08/2017 Lịch chốt quyền nhận cổ tức bằng tiền của 11 doanh nghiệp
- 10/08/2017 TW3: Đăng ký mua 2.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ
- 09/08/2017 Sacombank đã rút sạch vốn khỏi Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài

Giao dịch CP quỹ - tăng vốn

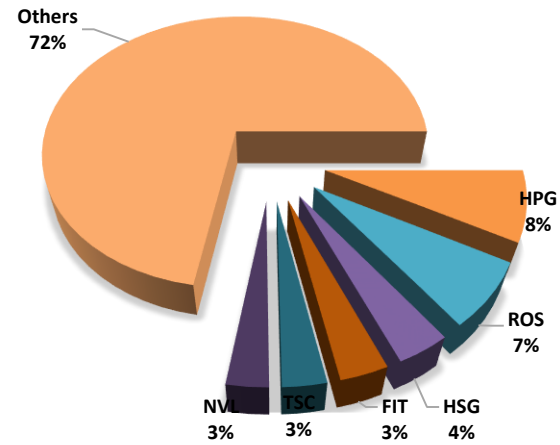
- 11/08/2017 VND: 18.8.2017, chính thức giao dịch 154.998.165 cp
- 11/08/2017 TLG: 15.8.2017, niêm yết bổ sung 11.493.584 cp
- 11/08/2017 VND: Quyết định niêm yết 154.998.165 cổ phiếu lần đầu
- 11/08/2017 BHS: 31.8.2017, ngày ĐKCC hoán đổi cổ phiếu (tỷ lệ 1:1.02)
- 11/08/2017 C32: Giao dịch 2.463.992 cp niêm yết bổ sung
- 11/08/2017 HCM: Đăng ký mua 80.000 cp làm cp quỹ
- 10/08/2017 TV3: Chấp thuận niêm yết bổ sung 811.263 cổ phiếu
- 10/08/2017 VIX: Chấp thuận niêm yết bổ sung 3.504.415 cổ phiếu
- 10/08/2017 VCS: Chấp thuận niêm yết bổ sung 20.000.000 cổ phiếu

Thống kê cổ phiếu tăng giá

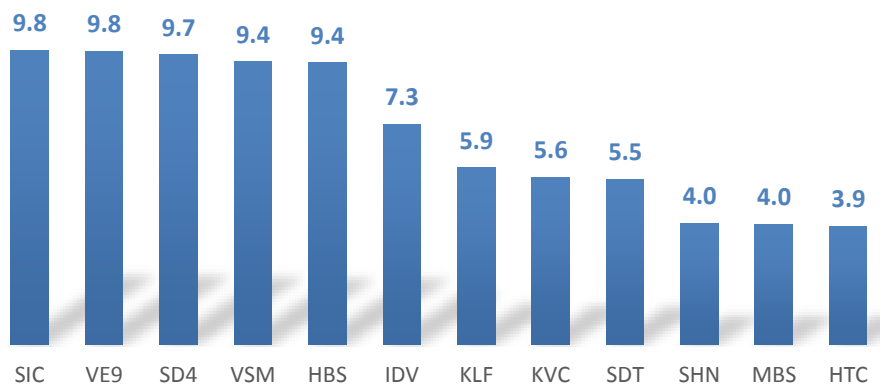
Top CP tăng giá-HOSE



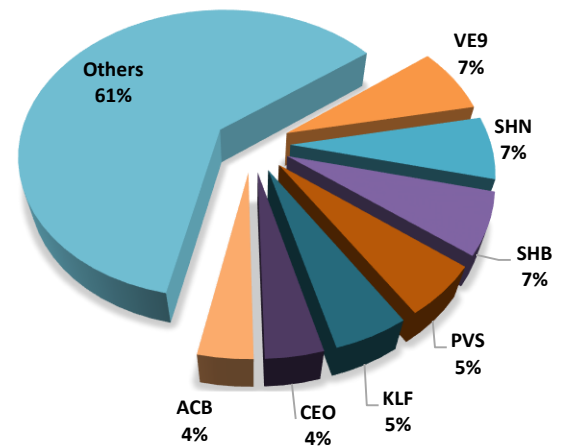
Top giá trị giao dịch HOSE



Top CP tăng giá-HNX



Top giá trị giao dịch HNX



Chúng tôi chỉ sử dụng trong báo cáo này những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư. Tài liệu này sẽ không được coi là một hình thức chào bán hoặc lôi kéo khách hàng đầu tư vào bất kì cổ phiếu nào. Công ty SBS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. SBS sẽ không chịu trách nhiệm với bất kì thông tin nào không nằm trong phạm vi báo cáo này. Nhà đầu tư phải cân nhắc kĩ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và SBS hoàn toàn không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó. Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp và sẽ không được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, nghiêm cấm bất kì sự sao chép và phân phối lại đối với tài liệu này.

Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Thương Tín (Hội sở)

278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3 TP HCM Việt Nam

Tel: +84 (8) 6268 6868 Fax: +84 (8) 6255 5957 www.sbssc.com.vn

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Tel: +84 (8) 6268 6868 (Ext: 8769)

Email: sbs.research@sbssc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6-7, 88 Lý Thường Kiệt Quận Hoàn Kiếm Hà
Nội Việt Nam

Điện thoại: +84 (4) 3942 8076

Fax: +84 (8) 3942 8075

Chi nhánh Sài Gòn

Lầu 6 - số 177-179-181 Nguyễn Thái Học, P.Phạm
Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38 38 65 65

Fax: (08) 38 38 64 16